

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY 28
CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHÚ



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHÚ
(Sửa đổi, bổ sung lần 4)

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 6 năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHÚ

Căn cứ:

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Nghị định 71/2017/ND-CP, ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần; các thông tư hướng dẫn của các Bộ, Ngành và các văn bản pháp quy khác có liên quan;

Quyết định số 271/QĐ-BQP ngày 16/02/2005 và quyết định số 1196/QĐ-BQP ngày 14/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt phương án chuyển Xí nghiệp 3 - Công ty 28 thành Công ty cổ phần;

Bản điều lệ Công ty Cổ phần Bình Phú đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 30/07/2005;

Bản điều lệ sửa đổi lần 2 Công ty cổ phần Bình Phú đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 14/6/2014;

Bản điều lệ sửa đổi lần 3 Công ty cổ phần Bình Phú đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 20/5/2017,

Hôm nay, ngày 15 tháng 05 năm 2020, chúng tôi những cổ đông tham dự Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bình Phú cùng nhau thống nhất ban hành bản Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Bình Phú sửa đổi bổ sung lần 4 với những chương, điều, khoản sau:

CHƯƠNG I NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên, địa chỉ Công ty

Tên Việt Nam: CÔNG TY CỔ PHẦN BÌNH PHÚ

Tên đối ngoại: BINH PHU JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BINH PHU JSC

Địa chỉ: 22 đường số 19, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại: +84.028.37266018 Email: binhphu@binhphu.com.vn

Fax: +84.028.37269882 Website: www.binhphu.com.vn

Các chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp thành viên: Khi cần thiết Công ty cổ phần Bình Phú (sau đây gọi tắt là Công ty) sẽ mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước hoặc thành lập xí nghiệp thành viên phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HDQT) và quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 2. Hình thức, tư cách hoạt động

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các Ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật;
- Có Điều lệ tổ chức và hoạt động;
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ. Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;
- Có báo cáo tài chính riêng, được trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh

1. Mục tiêu

- Trở thành nhà sản xuất áo sơ mi nam/nữ cao cấp hàng đầu Việt nam và có danh tiếng trên thế giới;
- Liên tục phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xây dựng mối quan hệ hợp tác thân thiện, uy tín với khách hàng và đối tác, nhằm tối đa hoá lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động; bảo đảm lợi ích của các cổ đông, đóng góp Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

- SXKD các sản phẩm may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép (SP may mặc xuất khẩu, tiêu thụ nội địa);
- Sản xuất vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu, bao bì phục vụ sản xuất hàng may mặc (trừ tẩy, nhuộm, in hồ, tái chế phế thải, gia công cơ khí tại trụ sở);
- Bán buôn hóa chất, mua bán nguyên phụ liệu, bao bì phục vụ sản xuất hàng may mặc;
- Kinh doanh xăng dầu, bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu chủ sử dụng hoặc đi thuê, kinh doanh nhà, đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế, và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn, đồ dùng gia đình khác;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Kho bãi, lưu giữ hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- May trang phục (trừ trang phục da lông thú).

Điều 4. Quy định người đại diện theo pháp luật của công ty và con dấu công ty

1. Theo Điều lệ này người đại diện Pháp luật của công ty là Tổng giám đốc.
 2. Con dấu công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ.
- Nội dung con dấu công ty thể hiện những thông tin sau đây:

- + Tên doanh nghiệp;
- + Mã số doanh nghiệp;
- + Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở.

Công ty chỉ có một con dấu phục vụ các giao dịch liên quan đến hoạt động SXKD của công ty.

Sau khi khắc con dấu, Công ty thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Công ty chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và nhận được Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu của cơ quan ĐKKD. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho người đại diện Pháp luật của công ty.

3. Người đại diện Pháp luật của công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

4. Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại Tòa án hoặc trọng tài.

Điều 5. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác

- Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Phụ nữ hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

- Công ty cổ phần Bình Phú tôn trọng và tạo mọi điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 6. Vốn công ty

- Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là: 8.342.880.000đ.

(Tám tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu tám trăm tám tám mươi nghìn đồng).

- Vốn điều lệ sửa đổi lần I vào ngày 14/6/2014 là: 13.842.880.000 đồng (Mười ba tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

- Số vốn này được chia thành 1.384.288 cổ phần (Một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi tám cổ phần)

- Mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng/CP.

Trong đó: Cổ phần phổ thông là: 1.384.288 cổ phần (Một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi tám cổ phần).

1. Cơ cấu vốn điều lệ được phân theo sở hữu như sau:

- Vốn thuộc sở hữu Nhà nước: 5.437.760.000 đồng, chiếm 39,28% vốn điều lệ;

- Vốn thuộc sở hữu các thể nhân: 8.405.120.000 đồng, chiếm 60,72% vốn điều lệ.

2. Việc tăng giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các mục đích:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc thiết bị và mở rộng quy mô hoạt động;

- Phát triển kỹ thuật, nghiệp vụ;

- Mua cổ phiếu, trái phiếu; góp vốn liên doanh, liên kết;
- SXKD theo nội dung hoạt động của Công ty;
- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.

4. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng không trái Pháp luật).

Điều 7. Vốn khác

- Vốn huy động;
- Vốn vay ngân hàng;
- Vốn tích lũy hình thành từ kết quả sản xuất kinh doanh.

Điều 8. Cổ phần

1. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

2. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi do Đại hội đồng cổ đông quyết định bao gồm các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được phát hành phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức

phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

Điều 10. Nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ các qui định của Điều lệ này và thực hiện nghiêm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Giám sát và góp ý kiến các hoạt động của Công ty và HĐQT; tham gia các công việc chung của Công ty khi được phân công.

4. Chịu trách nhiệm về các khoản lỗ, nợ của công ty trong phạm vi cổ phần mình sở hữu.

5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật các hoạt động của Công ty.

6. Phát hiện và tố giác các hành vi vi phạm Pháp luật, chế độ chính sách Nhà nước của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, đội ngũ quản lý và chịu trách nhiệm về sự phát hiện, tố giác của mình.

Điều 11. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

đ) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;

g) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

h) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi;

i) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty (hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) và kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần; người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

Việc đề nghị cấp lại chứng nhận cổ phiếu của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

4. Các cổ phần phát hành được bán theo thứ tự ưu tiên:

- Cổ đông trong Công ty;
- Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty.

4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 13. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán ra công chúng;

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

5. Việc phát hành thêm cổ phần phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và sau khi phát hành phải đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

6. Việc lựa chọn một trong các hình thức chào bán cổ phần nêu trên phải tuân thủ đúng quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

Điều 14. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.

3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh và các trường hợp khác, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

Điều 15. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần, cổ phiếu

1. Cổ phần của các cổ đông tại Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành và các qui định của Điều lệ này.

2. Cổ phần của các thành viên HĐQT trong thời gian 1 năm tiếp theo sau khi thôi giữ chức danh nêu trên không được chuyển nhượng, trường hợp đặc biệt muốn chuyển nhượng trước thời hạn nêu trên sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.

3. Cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước sẽ được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cho các cổ đông phù hợp với chính sách và quy định của Nhà nước.

4. Giá chuyển nhượng cổ phần được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận. Trường hợp công ty mua lại cổ phần thì giá chuyển nhượng sẽ dựa trên cơ sở giá trị sổ sách của cổ phần (giá trị này được phản ánh trên Báo cáo tài chính của công ty gần với thời điểm chuyển nhượng nhất), giá cụ thể do HĐQT quyết định và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Việc chuyển nhượng cổ phần phải được thực hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên có sự đồng ý của Hội đồng quản trị và nộp cho công ty, sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, sở hữu chủ cổ phần phải đăng ký vào sổ lưu tại Công ty.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

8. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định; trong trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất dưới hình thức ủy quyền, Công ty không giải quyết bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa những người thừa kế. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp (có xác nhận của công chứng Nhà nước), phải đăng ký với Công ty để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông biểu quyết phần đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá quy định tại Khoản 4 Điều 15 Điều lệ này trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi có tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 15 Điều lệ này. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; Đối với cổ phần loại khác, công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 18. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ này phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả

các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 19. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng chuyển khoản.

3. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

c) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

d) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

e) Dính kèm danh sách cổ phần của các cổ đông được chi trả cổ tức gồm các thông tin:

+ Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân.

+ Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 20. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại hoặc trả cổ tức trái với quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của công ty

- Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát ;
 - + Tổng giám đốc.
- Cơ quan quyết định cao nhất là Đại hội đồng cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị (HDQT), ban kiểm soát (BKS) và sửa đổi Điều lệ khi cần;
- Quản lý, điều hành hoạt động Công ty là Tổng giám đốc do HDQT bổ nhiệm, miễn nhiệm; Tổng giám đốc phải tuân thủ Điều lệ của Công ty và hành sự trong phạm vi được phân công và uỷ quyền của HDQT.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, các loại Đại hội đồng cổ đông gồm có: Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Thành phần tham dự ĐHĐCD là các cổ đông có tên trong sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 24. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên là hợp lệ khi có số cổ đông tham gia đại diện có ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết cho triệu tập lần đầu. Trong trường hợp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định thì trong vòng 30 ngày tính từ ngày dự định họp lần thứ nhất, ĐHĐCD được tiến hành lần 2 khi có đủ 33% số cổ phần tham dự. Trong trường hợp lần 2 cũng vẫn chưa đủ điều kiện đã nêu, thì

trong vòng 20 ngày tiếp sau, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Quyết định loại cổ phần, tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại và mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT, Ban hội đồng quản trị và kiểm soát viên nếu hết nhiệm kỳ;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trong việc gây thiệt hại cho các cổ đông và Công ty;
- Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty, sát nhập các đơn vị trực thuộc;
- Phương án phân phối và sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập quỹ;
- Quyết định tăng vốn điều lệ, gọi thêm vốn hay phát hành thêm cổ phiếu;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua định hướng phát triển Công ty;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong mỗi 12 tháng;
- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định trong Điều lệ công ty;
- Thực thi tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: Trường hợp phát sinh những vấn đề bất thường vì lợi ích của Công ty, hoặc các vấn đề khác ảnh hưởng đến tổ chức hoạt động của Công ty, số thành viên của HĐQT ít hơn 2/3 hoặc theo yêu cầu của một nhóm người sau:

- Chủ tịch HĐQT;
- Ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT;
- 3/3 các thành viên của Ban kiểm soát;

- Nhóm cổ đông sở hữu hơn 10% vốn điều lệ của Công ty trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng.

Thì HĐQT phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu với các lý do chính đáng. Trường hợp nếu HĐQT không triệu tập họp thì trong vòng 30 ngày tiếp sau, BKS thay thế HĐQT triệu tập họp DHCĐ bất thường. Trong trường hợp BKS không triệu tập họp thì nhóm cổ đông yêu cầu có quyền thay thế HĐQT để triệu tập họp.

2. Thành phần tham gia Đại hội đồng cổ đông bất thường là cổ đông Nhà nước và cổ đông đại diện hay sở hữu ít nhất 0,15% vốn Điều lệ.

- Đại hội đồng cổ đông bất thường là hợp lệ khi có các điều kiện tương tự như trong điều 24 khoản 4 của Điều lệ này.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường

- Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường;

- Thông qua; bãi miễn, bầu bổ sung, thay thế các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc do điều chuyển hoặc vi phạm Điều lệ Công ty hoặc gây thiệt hại cho Công ty;

- Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

- Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

Điều 26. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông. Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tham dự Đại hội; lập danh sách hiện diện (ghi sổ cổ phần sở hữu, cổ phần đại diện...).

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của pháp luật.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 28. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, hoặc được ủy quyền cho người đại diện thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông; người được ủy quyền có các quyền theo nội dung được ghi rõ trong giấy uỷ quyền.

2. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức Đại hội trước khi khai mạc.

3. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được thủ trưởng hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký, đóng dấu.

4. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần và người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

5. Người ủy quyền có thể thu hồi lại sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT trước các kỳ họp ít nhất 1 ngày.

Điều 29. Hình thức và điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

- Được số cổ đông đại diện cho ít nhất là 65% tổng số phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

- Đối với quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán hoặc mua của từng loại; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất là 51% tổng số phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày được thông qua và thời hạn hiệu lực ghi trong biên bản của đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 34. Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số thành viên của HĐQT từ 3 đến 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm; thành viên của HĐQT được trúng cử với số phiếu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín được chọn từ số phiếu tín nhiệm cao đến thấp hơn cho đến khi đủ số lượng.

3. HĐQT bầu Chủ tịch và một Phó Chủ tịch và được trúng cử với đa số phiếu tán thành (hơn 50%) bằng hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín (mỗi thành viên là một lá phiếu).

4. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và một ủy viên có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

5. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm và có thể được bầu lại.
6. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT mới để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.
7. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
8. Hội đồng Quản trị có thể có Ban Tư vấn gồm các chuyên viên, thư ký để giúp việc, do HĐQT lựa chọn và quy định về số lượng, chức năng, nhiệm vụ và tiền lương của Ban Tư vấn này. Thành viên của Ban Tư vấn thuộc biên chế trong cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty hoặc thuê từ các cổ đông

Điều 35. Điều kiện đề cử và ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông (hoặc đại diện cổ đông) nắm giữ từ 7% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử 01 ứng cử viên bầu vào HĐQT; từ 30% đến dưới 50% được quyền đề cử 02 ứng cử viên, từ 50% đến dưới 70% được quyền đề cử 03 ứng cử viên và từ 70% trở lên được quyền đề cử 04 ứng cử viên bầu vào HĐQT. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 7% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp lại với nhau để đề cử ứng cử viên bầu vào HĐQT. Nếu số ứng viên chưa đủ, thì số ứng viên còn lại sẽ do HĐQT, BKS, và các cổ đông khác đề cử.
2. Cổ đông là cá nhân nắm giữ từ 7% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền tự ứng cử để bầu vào HĐQT.
3. Thời gian cổ đông là cá nhân có quyền tự ứng cử đề cử gửi Đơn ứng cử đề cử thành viên HĐQT, BKS cho Đại hội đồng cổ đông ít nhất 25 ngày trước ngày tổ chức Đại hội.
4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty quyết định cử người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ và là người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước trong Công ty.

Điều 36. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp hiện hành;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và là cổ đông của Công ty;
 - Cổ đông đại diện cho pháp nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc cá nhân cổ đông sở hữu (hoặc đại diện sở hữu) từ 3% vốn điều lệ trở lên;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

- Thành viên của HĐQT có thể giữ các chức danh quản lý điều hành trong Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

2. Giám sát Tổng Giám đốc Công ty và các người quản lý khác trong công ty.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT:

a) Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm của công ty.

c) Kiến nghị với ĐHCĐ loại cổ phần; tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

d) Quyết định huy động thêm vốn dưới các hình thức khác;

e) Quyết định mua lại số cổ phần trong phạm vi dưới 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại trong mỗi 12 tháng.;

f) Quyết định các phương án đầu tư và các giao dịch không vượt quá 70% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay không vượt quá 70% tổng số tài sản ghi trong sổ sách kế toán;

h) Bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT mới khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh, cho đến Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất;

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác (từ cấp Phó phòng, Ban; Phó Quản đốc phân xưởng trở lên) và quyết định mức lương cũng như các lợi ích khác của các chức danh này. Trong trường hợp chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty - Đại hội đồng cổ đông quyết định cách chức Tổng Giám đốc;

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

j) Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ; quyết định thành lập xí nghiệp thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện; góp vốn, mua cổ phần của công ty khác;

k) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

l). Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình SXKD;

m). Quyết định giá chào bán cổ phần, cổ phiếu; định giá tài sản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác...;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. HĐQT thông qua kiến nghị bổ xung, sửa đổi điều lệ bằng biểu quyết tại cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Sau Đại hội đồng cổ đông thành lập, những người được bầu vào HĐQT có trách nhiệm nhận bàn giao tài sản, các hồ sơ tài liệu... và tiếp nhận các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý doanh nghiệp.

Điều 38. Hoạt động của HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT là người có trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ ít nhất 3 tháng một lần, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 10 ngày trước ngày họp dự kiến.

2. Trường hợp cần thiết HĐQT có thể họp phiên bất thường; Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có bất kỳ đối tượng nào sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Chủ tịch HĐQT;
- Ít nhất 2/3 thành viên của HĐQT;
- Đa số các thành viên trong Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc Công ty.

3. Mỗi cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong vòng 2 tuần kể từ ngày có đề xuất họp được chấp thuận. Nếu Chủ tịch không chấp thuận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập tại Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT.

4. Cuộc họp của HĐQT được tiến hành hợp lệ khi có đa số các thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp.

5. Mỗi thành viên HĐQT tham dự cuộc họp có một quyền biểu quyết; các nghị quyết và quyết định của HĐQT được thông qua nếu có đa số các thành viên

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

tham dự cuộc họp chấp thuận; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

6. Mọi Quyết định, Nghị quyết của HĐQT trong mỗi phiên họp phải được ghi trong biên bản; biên bản này phải được thông qua các thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký; Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp. Các văn bản này được lưu giữ tại Công ty.

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị và quyền hạn, nghĩa vụ của các thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.

2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là không quá 5 năm. Trường hợp có thành viên HĐQT được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì thời hạn nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT:

a) Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty khi cổ phần do Nhà nước nắm giữ dưới 50% tổng số phiếu biểu quyết;

b) Khi vắng mặt, Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT đảm trách việc quản trị Công ty;

c) Lập chương trình, kế hoạch hành động của HĐQT;

d) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp; triệu tập và chủ tọa các cuộc họp HĐQT;

e) Tổ chức việc thông qua các quyết định của HĐQT;

f) Theo dõi quá trình thực hiện các quyết định của HĐQT;

g) Chủ tọa họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông;

h) Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;

i) Các nhiệm vụ khác sẽ được quy định trong quy chế quản lý nội bộ;

k) Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Phó chủ tịch HĐQT có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công, thay mặt Chủ tịch thực thi công việc được ủy quyền trong thời gian Chủ tịch vắng mặt.

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

6. Thành viên HĐQT trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được HĐQT phân công, không ủy quyền cho người khác; quyền hạn và nhiệm vụ của các thành viên HĐQT như sau:

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động SXKD của Công ty;
- Được quyền yêu cầu cán bộ trong Công ty cung cấp tài liệu có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty;
- Tham dự họp HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về những nhiệm vụ, hành vi của mình;
- Thực hiện Điều lệ của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến mình theo sự phân công của HĐQT.

Điều 40. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác từ cấp trưởng phòng trở lên;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các vấn đề đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý bao gồm cấp trưởng phòng, phân xưởng trở lên trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Trình tự, thủ tục yêu cầu của Thành viên HĐQT phải được lập thành văn bản, chuyển đến người được yêu cầu. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải báo cáo cho Tổng giám đốc trước khi cung cấp thông tin cho Thành viên HĐQT.

Điều 43. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 44. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý từ cấp phó phòng, phó quản đốc phân xưởng trở lên theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý là Kế toán trưởng của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 46. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;

b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 47. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong công ty;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 49. Điều kiện đề cử, ứng cử kiểm soát viên

Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên quy định tại Điều 48 Điều lệ này, đề cử, ứng cử Kiểm soát viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Các cổ đông sở hữu từ 7% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử 01 ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát; từ 30% đến dưới 50% được quyền đề cử 02 ứng cử viên, từ 50% đến dưới 70% được quyền đề cử 03 ứng cử viên và từ 70% trở lên được quyền đề cử 04 ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát.

2. Các cổ đông sở hữu ít hơn 7% số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp lại với nhau để đề cử ứng cử viên bầu vào Ban kiểm soát.

3. Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 3% số cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền tự ứng cử vào Ban kiểm soát.

4. Đơn ứng cử đề cử phải được gửi về Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 25 ngày trước ngày diễn ra Đại hội.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp hiện hành.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp và Điều 54 Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn miễn nhiệm và được chấp thuận.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Tổng giám đốc công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hiện hành.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 54. Trách nhiệm của người quản lý công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác từ cấp Phó phòng, Phó quản đốc trở lên có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
- c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 55. Ủy quyền, ủy nhiệm

1. Tổng giám đốc có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho Phó Tổng giám đốc hoặc người quản lý khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước Pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

**CHƯƠNG IV
CHIẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KÊ TOÁN,
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ**

Điều 56. Trình báo cáo hàng năm

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
 2. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
 3. Báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
 4. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
 5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.
- Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 57. Phân phối lợi nhuận, lập quỹ và nguyên tắc chịu lỗ trong kinh doanh

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

1. Theo quy định của nhà nước về chế độ tài chính đối với Công ty Cổ phần, lợi nhuận của Công ty được xác định như sau:

- Lợi nhuận gộp = Tổng doanh thu - Tổng chi phí
- Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận gộp - thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Trước khi chia cổ tức cho các cổ đông, công ty phải trích lập các quỹ bao gồm:

- a) Quỹ đầu tư phát triển: tối đa là 30% lợi nhuận ròng;
- b) Các quỹ không bắt buộc do HĐQT trình Đại hội cổ đông quyết định gồm:
 - Quỹ khen thưởng;
 - Quỹ phúc lợi.

Căn cứ vào tình hình thực tế và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông mức trích cụ thể cho các quỹ.

- c) Quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát: 5% lợi nhuận ròng.

- Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình ĐHĐCĐ phê duyệt hàng năm.

4. Số lợi tức còn lại được chia cho các cổ đông; tùy thuộc tình hình, đặc điểm SXKD của công ty, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng khoảng thời gian nhất định trong năm.

5. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp.

- Trích từ quỹ dự phòng để bù lỗ;

- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

CHƯƠNG V

GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

Công ty cổ phần Bình Phú bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

1. Theo quyết định của của Đại hội đồng cổ đông, với sự đồng ý của số cổ đông nắm giữ cổ phần ít nhất 75% vốn điều lệ.

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bình Phú

2. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

4. Quyết định của Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 59. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể doanh nghiệp

1. Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại điều 201, 202, 203, 204, 205 của Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định khác của Pháp luật.

2. Quyết định giải thể của doanh nghiệp được doanh nghiệp đăng báo trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Điều 60. Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể công ty, Đại hội đồng cổ đông lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT và cùng các Kiểm soát viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và thể lệ tài chính hiện hành.

2. Trong thời gian thanh lý, Hội đồng thanh lý và các Kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông nếu thấy cần thiết.

Điều 61. Tố tụng, tranh chấp

1. Tổng giám đốc là người đại diện cho công ty trước Pháp luật trong mọi giai đoạn tranh tụng khi được HĐQT ủy quyền bằng văn bản.

2. Công ty có quyền bình đẳng trước Pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan có thẩm quyền Nhà nước theo quy định của Pháp luật hiện hành.

4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong công ty gây ra với HĐQT. Tranh chấp giữa các cổ đông trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế.

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

Mọi bổ sung, sửa đổi Điều lệ này không được trái với quy định hiện hành của Nhà nước và phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện tán thành. Những điều không được quy định trong Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định của Pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 63. Nguyên tắc áp dụng điều lệ Công ty

1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong điều lệ này thì được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.
2. Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong điều lệ này thì thực hiện các quy định của pháp luật.

Điều 64. Đăng ký điều lệ

Bản Điều lệ này gồm 06 Chương 64 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Bình Phú chấp thuận sửa đổi ngày 15/6/2020.

Điều lệ được lập thành 15 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 10 bản nộp tại các cơ quan chính quyền và các cơ quan cấp trên theo quy định của Pháp luật;
- 05 bản lưu giữ tại văn phòng Công ty.

Các bản trích, sao Điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới hợp lệ.

Làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/06/2020./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đậu Quang Lành

Trần Doãn Thoan

Đỗ Tuấn Anh

